CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phú Tài

Ngày 30/09/2025	47,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.3%	-	-

DT thuần
Q3/25
1,684
tỷ VNĐ
QoQ: ▼221| -11.6%
YoY: ▲ 199| 13.4%

LN thuần
Q3/25
178
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0| 8.7%
YoY: ▲ 74.0| 71.3%

LN sau thuế
Q3/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 8.6%
YoY: ▲ 57.9| 70.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.2%
YoY: +/-▲ 1.9%

ROE (TTM)
Q3/25
15.0%
YoY: +/-▲ 1.5%

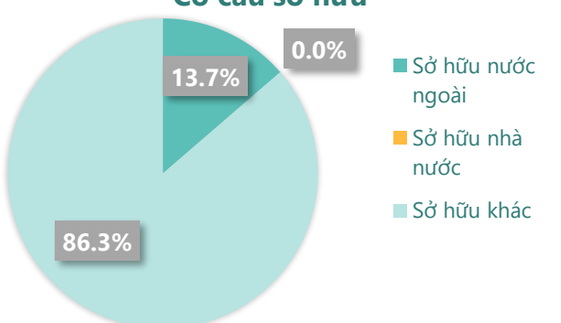
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	46,672 - 64,465
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,200
Số lượng CPLH (CP)	66,938,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	192,795
Sở hữu nước ngoài	13.7%
Beta	0.42
EPS	6,949
P/E	6.9

DT thuần
9T 2025
5,209
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 679| 15.0%

LN thuần
9T 2025
492
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 132| 36.4%

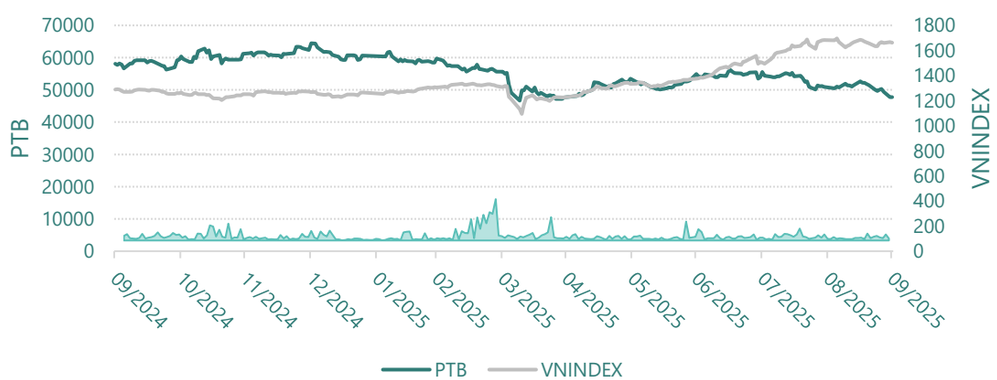
LN sau thuế
9T 2025
386
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 100| 35.2%

Cơ cấu sở hữu

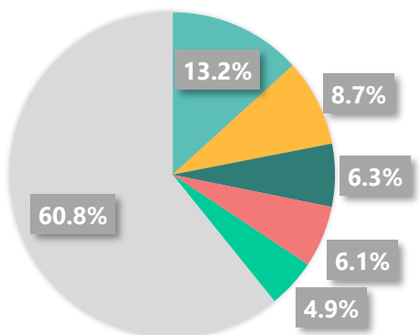


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

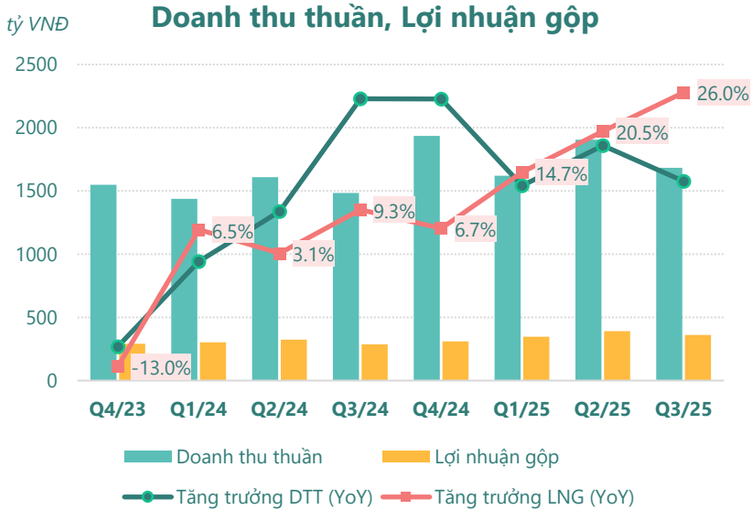


- Lê Vỹ
- Lê Văn Thảo (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Sỹ Hoè (Tổng giám đốc)
- Lê Văn Lộc (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Hữu Tâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

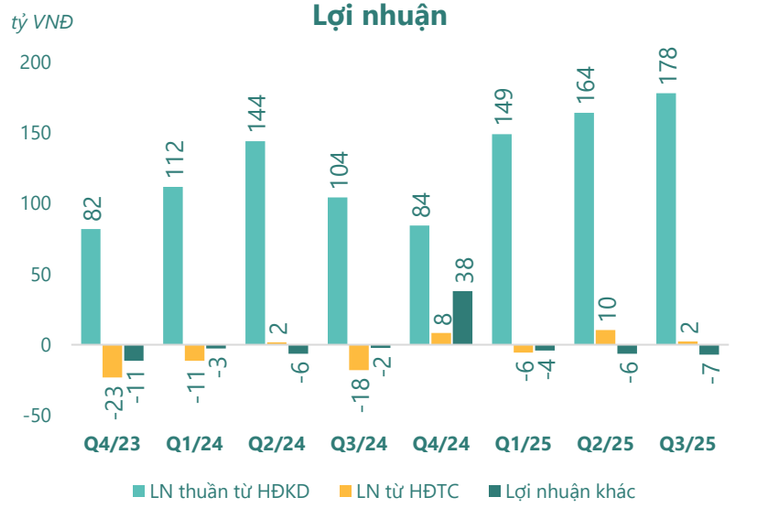
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



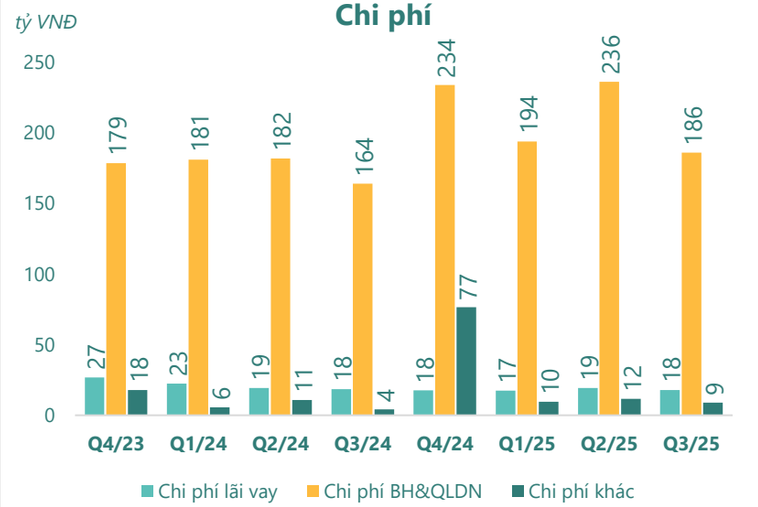
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



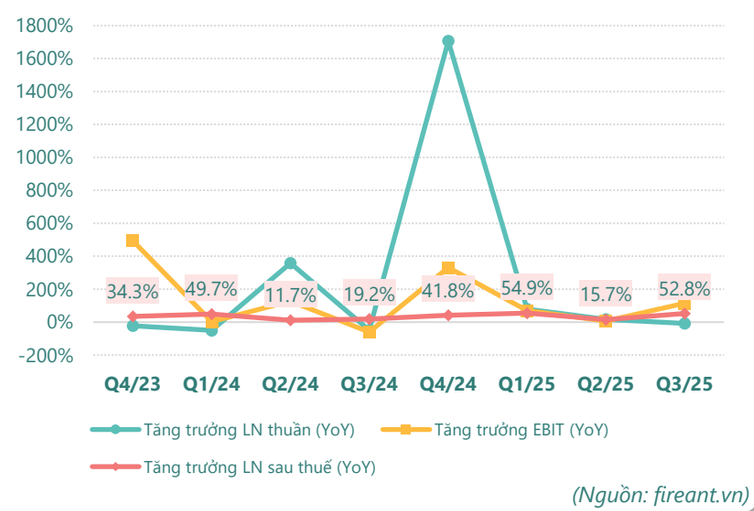
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



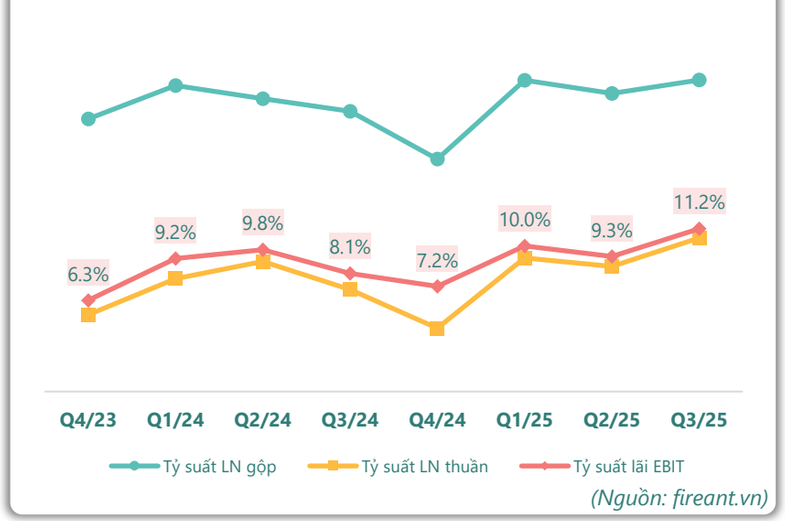
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

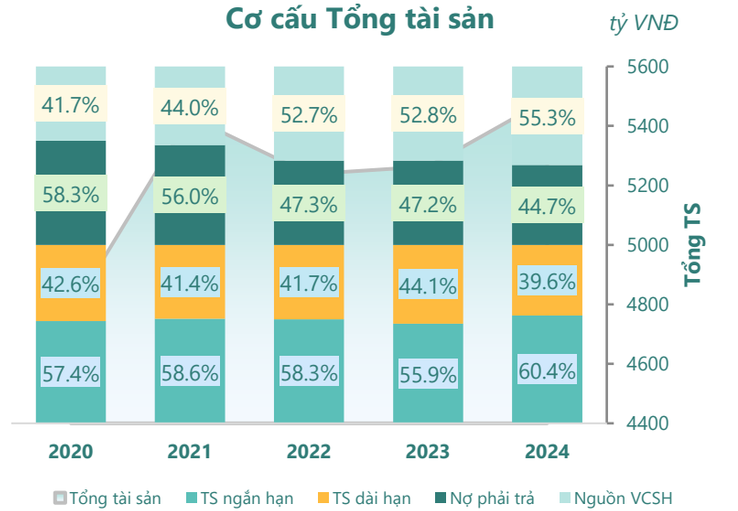
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

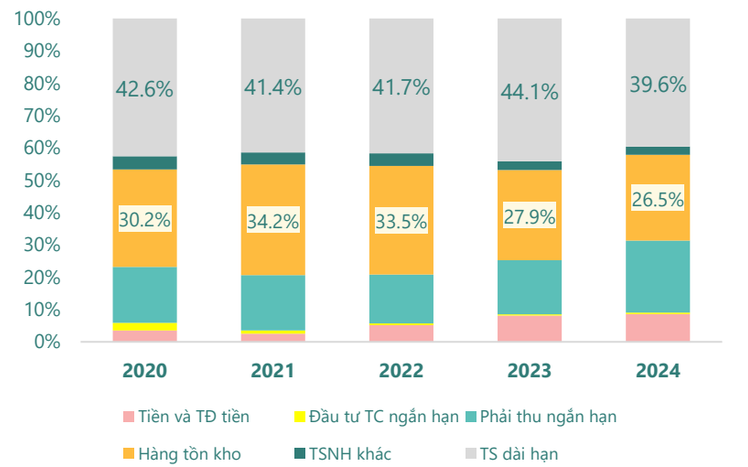
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



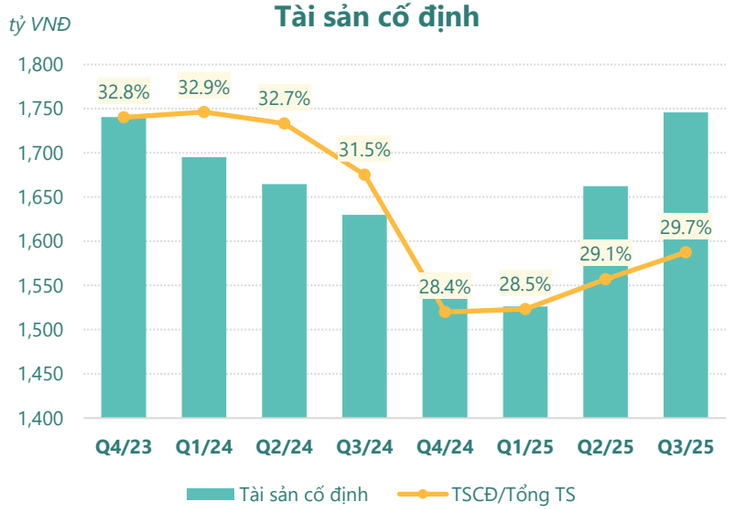
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



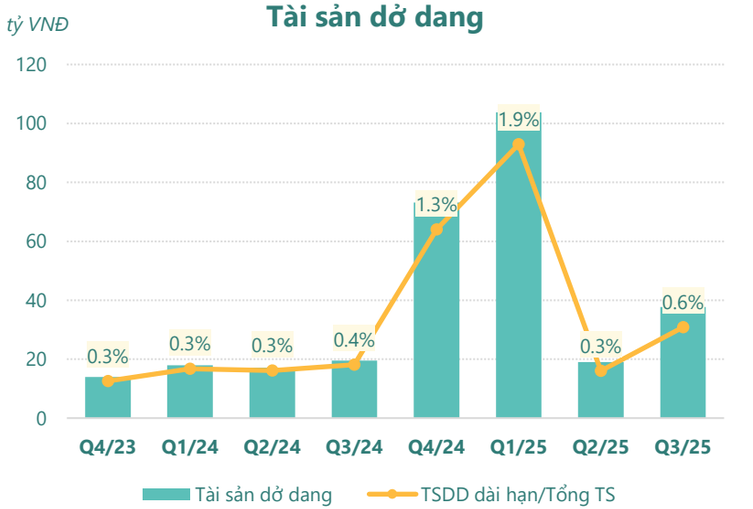
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



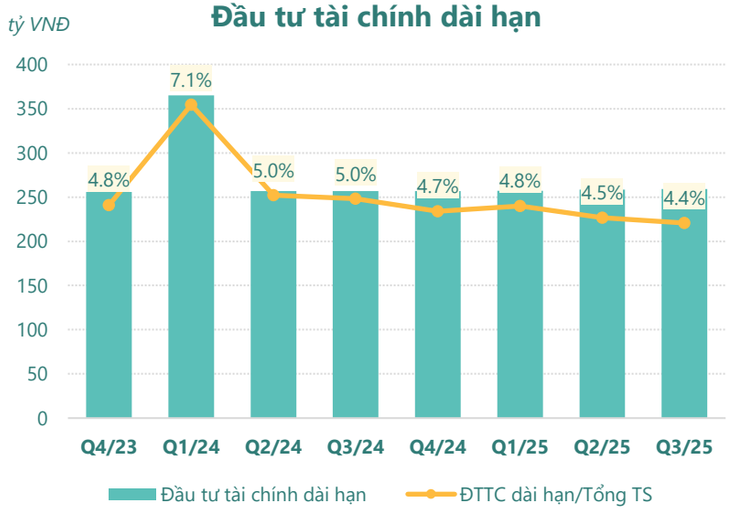
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



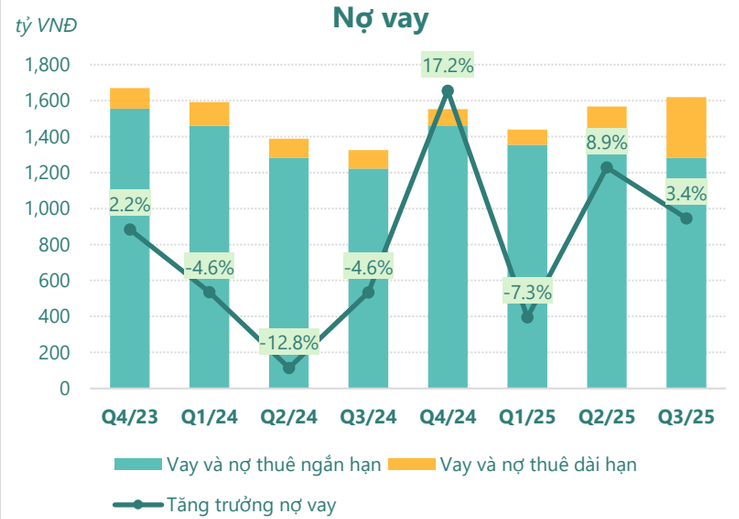
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

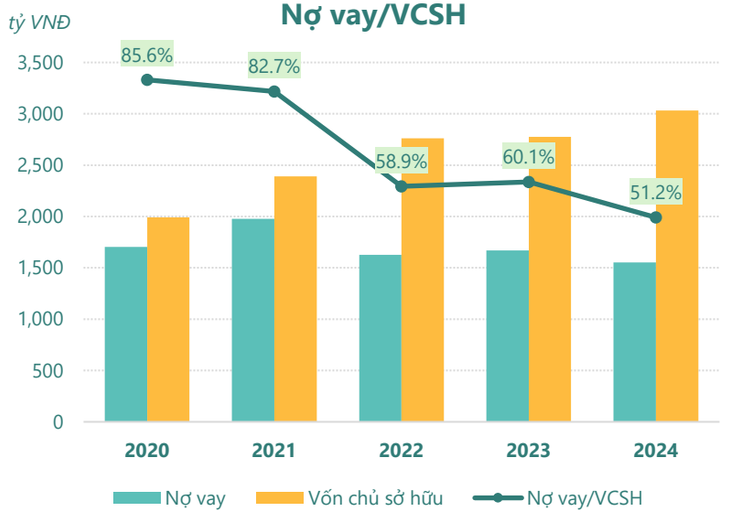
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



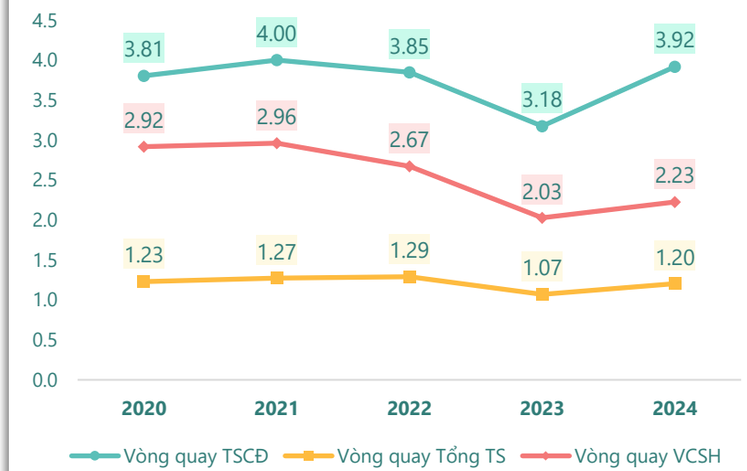
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



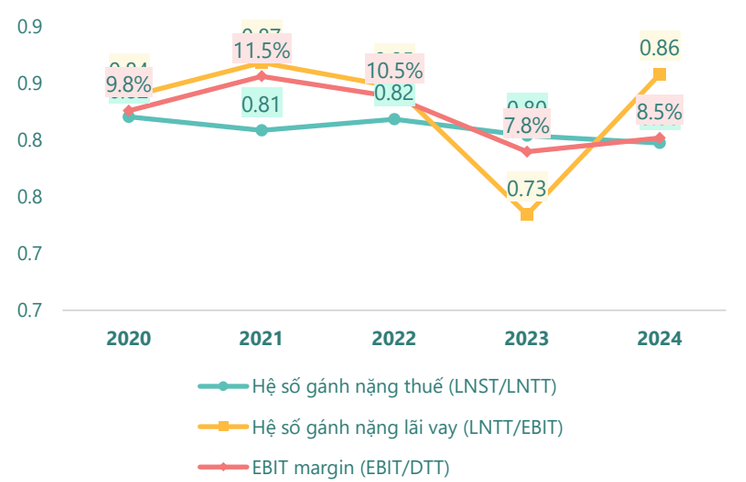
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



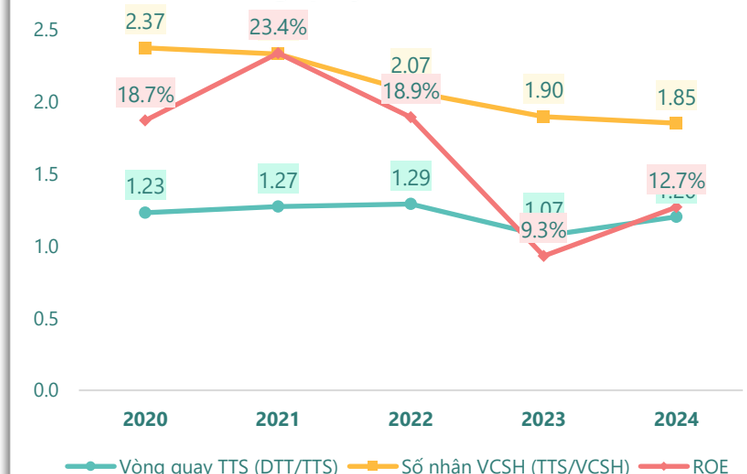
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



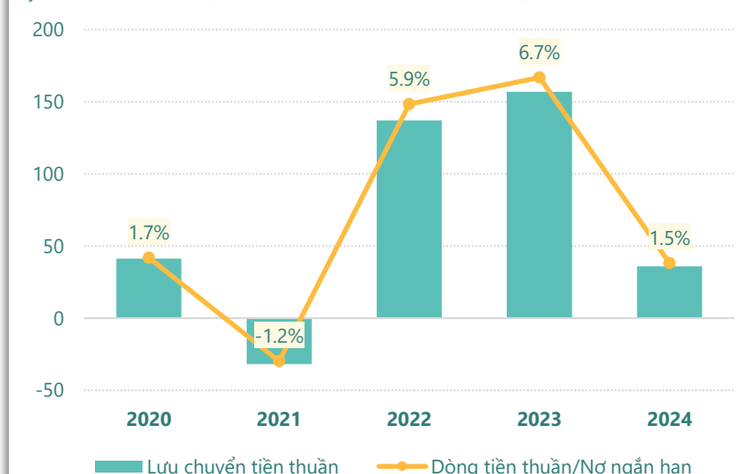
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,684**	**1,485**	**13.4%**	**5,209**	**4,530**	**15.0%**
Giá vốn hàng bán	1,322	1,198	10.4%	4,109	3,616	13.6%
Lợi nhuận gộp	361	287	25.9%	1,100	914	20.3%
Doanh thu HĐTC	23.2	10.3	125%	69.0	48.0	43.9%
Chi phí TC	20.8	28.2	-26.2%	61.8	75.5	-18.2%
Chi phí lãi vay	17.8	18.5	-3.9%	54.5	60.4	-9.8%
LN trong công ty LKLD	**0.59**	**-0.27**	**319%**	**1.24**	**0.90**	**37.1%**
Chi phí bán hàng	130	106	22.5%	410	349	17.6%
Chi phí QLDN	**56.4**	**57.7**	**-2.3%**	**206**	**178**	**15.7%**
LN thuần từ HĐKD	178	104	71.3%	492	360	36.4%
Lợi nhuận khác	**-7.08**	**-2.14**	**-231%**	**-17.5**	**-11.0**	**-58.6%**
LN trước thuế	171	102	67.8%	474	349	35.7%
Lợi nhuận sau thuế	**140**	**82.1**	**70.6%**	**386**	**286**	**35.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**136**	**79.6**	**70.7%**	**373**	**279**	**33.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	176	16.3	93.4	177	405	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.93	6.82	-64.1	-80.5	-90.8	-73.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-132	-131	219	-180	128	-49.7
Tiền đầu kỳ	299	342	229	471	389	837
Lưu chuyển tiền thuần	**39.3**	**-108**	**248**	**-83.3**	**442**	**-231**
Ảnh hưởng tỷ giá	3.05	-5.18	-5.98	1.74	5.75	0
Tiền cuối kỳ	342	229	471	389	837	607

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,869**	**5,489**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	3,529	3,314	6.5%
Tiền và tương đương tiền	607	471	28.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.0	26.1	68.6%
Phải thu ngắn hạn	1,004	1,221	-17.8%
Hàng tồn kho	1,674	1,455	15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	200	140	42.7%
Tài sản dài hạn	**2,340**	**2,175**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	28.7	28.9	-0.6%
Tài sản cố định	1,746	1,559	12.0%
Bất động sản đầu tư	4.98	5.15	-3.3%
Tài sản dở dang	37.7	73.2	-48.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	259	257	0.9%
Tài sản dài hạn khác	**241**	**244**	**-1.3%**
Lợi thế thương mại	22.4	8.84	154%
Nợ phải trả	2,636	2,456	7.3%
Nợ ngắn hạn	**2,272**	**2,352**	**-3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,282	1,471	-12.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	552	516	6.9%
Nợ dài hạn	364	105	248%
Vay và nợ thuê dài hạn	338	81.5	315%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,232**	**3,033**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**3,232**	**3,033**	**6.6%**
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)